

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày: 27- 5 - 2019
“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đồi

Ông La Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST- KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐ-HPT ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn C

Địa chỉ trụ sở: Số 100 - H, Phường 7, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn H – Giám đốc

- Bị đơn: Công ty cổ phần M.

Địa chỉ trụ sở: Khu vực 1, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K – Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Ông H có mặt, ông K vắng mặt không rõ lý do – đã triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn C (Công ty C) và lời trình bày của ông Hồ Văn H là người đại diện theo pháp luật của Công ty C trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau: Vào ngày 12/8/2015, Công ty C và Công ty cổ phần M (Công ty M) ký hợp đồng kinh tế số: 51/HĐ-MĐHH-VT với nội dung: Công ty C cung cấp cho Công ty M các

hàng hóa là cột xông SO2 (nắp trên); ốc, bạc xích T160 (Ø35); Dao chặt mía CT3.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã giao hàng cho Công ty M vào ngày 28/10/2015 tổng số tiền theo hóa đơn xuất hàng là 158.895.000 đồng. Đến ngày 13/01/2016 giữa Công ty C và Công ty M có Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ với nội dung Công ty M còn nợ Công ty C số tiền 158.895.000 đồng.

Công ty C đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền trên nhưng đến nay Công ty M vẫn chưa thanh toán và cũng không có ý kiến gì phản hồi nên ông đại diện Công ty C yêu cầu Công ty cổ phần M phải thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty C là 158.895.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có thông báo thụ lý vụ án cho Công ty cổ phần M biết về yêu cầu khởi kiện của Công ty C nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần M không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo quy định của pháp luật nhưng đại diện của Công ty cổ phần M cũng không đến Tòa án, do đó ông Hồ Văn H đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, ông Hồ Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Công ty cổ phần M.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu việc Kiểm sát tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, ông Hồ Văn H là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn cho rằng giữa Công ty C và Công ty M có giao kết với nhau bằng Hợp đồng kinh tế số: 51/HĐ-MĐHH-VT vào ngày 12/8/2015. Ngày 28/10/2015 Công ty C đã giao hàng theo hợp đồng trên cho Công ty M và đã xuất hóa đơn theo giá trị hợp đồng đã giao kết. Xét Thư xác nhận ngày 05/01/2016 của phòng kế toán tài chính (KTTC) của Công ty M xác định còn nợ Công ty C số tiền 158.895.000 đồng và tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 13/01/2016 của Công ty C gửi Công ty M thì Công ty M có xác nhận đến ngày 13/01/2016 còn nợ Công ty C số tiền 158.895.000 đồng. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Công ty C yêu cầu Công ty M trả tiền do hợp đồng mua bán hàng hóa còn nợ là thuộc quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại năm 2005

1.2. Công ty M là bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Khu vực 1, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần M là bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Thời hiệu khởi kiện...tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm”. Kể từ ngày 13/01/2016 cho đến nay, Công ty cổ phần M không thanh toán tiền nợ theo hợp đồng kinh tế đã thỏa thuận. Ngày 11/10/2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn C khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa vẫn còn.

[3] Về nội dung: Giữa Công ty C với Công ty M có giao dịch mua bán hàng hóa theo Hợp đồng kinh tế được hai bên ký kết ngày 12/8/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã tiến hành giao hàng và xuất hóa đơn cho Công ty M vào ngày 28/10/2015.

3.1. Theo hợp đồng kinh tế số 51/HĐ-MĐHH-VT ngày 12/8/2015 được ký kết giữa Công ty C với Công ty M thì tại Điều IV của hợp đồng thể hiện nội dung: “Bên A sẽ thanh toán tiền hàng gia công cho bên B bằng chuyển khoản theo các đợt:.....đợt 1: đợt 2: bên A giữ lại 5% chi phí bảo hành sản phẩm (7.944.750VNĐ) và thanh toán sau thời hạn bảo hành và bên B phải giao hóa đơn giá trị gia tăng...” Xét thấy, bên B (Công ty C) đã tiến hành giao hàng hóa cho Công ty M và đã xuất hóa đơn vào ngày 28/10/2015 thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng đã giao kết với Công ty M. Mặc dù, không thể hiện bằng văn bản có giao nhận hàng hóa giữa 2 đơn vị hay Biên bản thanh lý hợp đồng nhưng theo Thư xác nhận ngày 05/01/2016 của Phòng kế toán tài chính – Công ty cổ phần M về việc xác nhận kiểm toán thì nội dung văn bản thể hiện Công ty cổ phần M còn nợ lại Công ty C số tiền 158.895.000 đồng.

3.2. Theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 13/01/2016 của Công ty C thì Công ty M có xác nhận có nợ Công ty C số tiền 158.895.000 đồng.

3.3. Công ty cổ phần M không có ý kiến phản hồi gì về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty C xem như thừa nhận và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh là phù hợp tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó ông Hồ Văn H là người đại diện của Công ty C yêu cầu Công ty M thanh toán tiền nợ 158.895.000 đồng là có căn cứ.

Như vậy, quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C là có căn cứ nên buộc Công ty M phải thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ là 158.895.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật thương mại năm 2005.

Công ty C không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4]. Về án phí: Công ty cổ phần M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 24, Khoản 1 Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn C về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty cổ phần M.

Buộc Công ty cổ phần M phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C số tiền 158.895.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Trường hợp Công ty cổ phần M chậm trả số tiền trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: Buộc Công ty cổ phần M phải chịu 7.944.750 đồng (Bảy triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn C đã nộp là 3.972.000 đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003803 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo đề xin xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Bình An

